QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Luật số: 22/2026/QH16	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 142/2025/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. *Cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng* là tập hợp dữ liệu, thông tin về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, cá nhân Việt Nam đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.";

b) Bổ sung khoản 7 và khoản 8 vào sau khoản 6 như sau:

"7. *Trực tiếp tuyển chọn* là việc doanh nghiệp Việt Nam hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây gọi là Giấy phép) tự thực hiện hoặc phối hợp với bên nước ngoài tiếp nhận lao động để tổ chức sơ tuyển, đánh giá và lựa chọn người lao động đáp ứng yêu cầu, không thông qua bên thứ ba, không ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác để thực hiện hoạt động này.

8. *Cho người khác sử dụng Giấy phép* là việc doanh nghiệp Việt Nam hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã được cấp Giấy phép cho doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân khác sử dụng Giấy phép đó dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nhân danh doanh nghiệp được cấp Giấy phép.".

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

"1. Ưu tiên đưa người lao động đã qua đào tạo và có trình độ chuyên môn kỹ thuật đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nhằm nâng cao thu nhập, tiếp cận công nghệ, quản trị hiện đại, rèn luyện kỹ năng, ngoại ngữ, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp.

Tăng cường kết nối thông tin việc làm cho người lao động về nước với thị trường lao động trong nước nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực có kỹ năng nghề đã làm việc ở nước ngoài.

Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong một số ngành, nghề, công việc yêu cầu trình độ chuyên môn kỹ thuật hoặc lĩnh vực Nhà nước ưu tiên phát triển được hưởng cơ chế, chính sách đặc thù để đi làm việc ở nước ngoài và thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực sau khi về nước phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 6 như sau:

"g) Không phải đóng bảo hiểm xã hội hoặc nộp thuế thu nhập cá nhân hai lần ở Việt Nam và ở nước tiếp nhận lao động nếu Việt Nam và nước đó đã ký hiệp định về bảo hiểm xã hội trong đó có nội dung tránh đóng bảo hiểm xã hội hai lần hoặc hiệp định tránh đánh thuế hai lần;".

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Lôi kéo, dụ dỗ, hứa hẹn, cung cấp thông tin sai sự thật, quảng cáo, tư vấn gian dối hoặc sử dụng thủ đoạn khác nhằm lừa dối người lao động; lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người lao động; lợi dụng hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để tổ chức xuất cảnh trái phép, mua bán người, bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật khác.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Thu tiền dịch vụ và các khoản thu từ người lao động không đúng quy định của pháp luật.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau:

"11. Đi làm việc ở nước ngoài hoặc tổ chức tuyển chọn, chuẩn bị nguồn lao động, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng mà xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của người lao động và cộng đồng hoặc không được nước tiếp nhận lao động cho phép.";

d) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu và điểm a khoản 12 như sau:

"12. Đi làm việc ở nước ngoài hoặc tổ chức tuyển chọn, chuẩn bị nguồn lao động, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đối với công việc sau đây:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Công việc mát-xa;";

đ) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu và điểm a khoản 13 như sau:

"13. Đi làm việc ở nước ngoài hoặc tổ chức tuyển chọn, chuẩn bị nguồn lao động, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài ở khu vực sau đây:

a) Khu vực có chiến sự, khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam khuyến cáo không đến hoặc hạn chế đến;".

5. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3 Điều 9 như sau:

"1. Tìm kiếm, phát triển thị trường lao động ở nước ngoài; ký kết và thực hiện hợp đồng, thỏa thuận liên quan đến việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Cung cấp thông tin, quảng cáo, tư vấn về cơ hội việc làm ở nước ngoài.

3. Chuẩn bị nguồn lao động, tuyển chọn người lao động, hỗ trợ hoặc trực tiếp làm thủ tục để người lao động đi làm việc ở nước ngoài.".

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

"d) Có nhân viên nghiệp vụ đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ;";

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

"1a. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy phép thuộc trường hợp quy định tại điểm a, d hoặc đ khoản 2 Điều 16 của Luật này thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có quyết định thu hồi Giấy phép không được là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được cấp Giấy phép; doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy phép thuộc trường hợp quy định tại điểm a, d hoặc đ khoản 2 Điều 16 của Luật này trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có quyết định thu hồi Giấy phép không được cấp Giấy phép.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định nội dung, mẫu, lệ phí cấp, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh thông tin, cấp lại, công bố và niêm yết Giấy phép.".

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

"c) Có nhân viên nghiệp vụ đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ;";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Chính phủ quy định chi tiết điểm d khoản 2 Điều này.".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

"**Điều 18. Chuẩn bị nguồn lao động**

1. Doanh nghiệp dịch vụ được chủ động chuẩn bị nguồn lao động trước khi đăng ký hợp đồng cung ứng lao động theo nhu cầu của doanh nghiệp, thị trường

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

tiếp nhận và khả năng ký kết hợp đồng cung ứng lao động.

2. Doanh nghiệp dịch vụ thực hiện chuẩn bị nguồn lao động bằng một hoặc một số hoạt động sau đây:

a) Trực tiếp hoặc phối hợp với các tổ chức, đơn vị có chức năng, tổ chức chính trị - xã hội để thông tin, tuyên truyền cho người lao động phục vụ cho hoạt động chuẩn bị nguồn lao động;

b) Tổ chức tư vấn và sơ tuyển người lao động;

c) Trực tiếp hoặc hợp tác, liên kết với cơ sở giáo dục để đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ cho người lao động trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật về giáo dục.

3. Doanh nghiệp dịch vụ ký kết bằng văn bản với người lao động về việc tham gia chuẩn bị nguồn lao động, trong đó phải có các nội dung sau đây: mức phí đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ và các khoản thu khác (nếu có); dự kiến thị trường, ngành, nghề, tiêu chuẩn, thời gian tuyển chọn; cam kết việc ưu tiên tuyển chọn người lao động đã tham gia chuẩn bị nguồn lao động; trách nhiệm của các bên trong trường hợp người lao động không được bên nước ngoài tiếp nhận lao động tuyển chọn hoặc chấm dứt việc tham gia chuẩn bị nguồn lao động trước thời hạn.

Doanh nghiệp dịch vụ chỉ được thu phí đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ sau khi người lao động đã được bên nước ngoài tiếp nhận lao động tuyển chọn và ký kết hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

4. Doanh nghiệp dịch vụ thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp tổ chức hoạt động chuẩn bị nguồn lao động và cập nhật trên cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng chậm nhất 03 ngày trước ngày thực hiện chuẩn bị nguồn lao động.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai thông báo việc chuẩn bị nguồn lao động đã tiếp nhận, theo dõi hoạt động chuẩn bị nguồn lao động trên địa bàn; xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật khi phát hiện tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động chuẩn bị nguồn lao động không đúng nội dung đã thông báo hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác.

6. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định nội dung, mẫu văn bản thông báo chuẩn bị nguồn lao động.".

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

"**Điều 21. Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài**

1. Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là văn bản thỏa thuận giữa doanh nghiệp dịch vụ với người lao động về việc đưa người lao động

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Quyền, nghĩa vụ của mỗi bên và phù hợp với nội dung đăng ký hợp đồng cung ứng lao động đã được chấp thuận;

b) Tiền dịch vụ thu từ người lao động; các khoản khác doanh nghiệp dịch vụ thu từ người lao động (nếu có);

c) Tiền ký quỹ (nếu có);

d) Điều kiện đơn phương chấm dứt hợp đồng;

đ) Việc giải quyết tranh chấp hợp đồng, bồi thường thiệt hại.

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mẫu hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, các khoản doanh nghiệp dịch vụ được thu từ người lao động.".

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b như sau:

"a) Thực hiện các quy định về công bố và niêm yết Giấy phép theo quy định của Chính phủ; quy định tại khoản 1 Điều 16, các điều 17, 18, 19, 20, 27, 28 và 29 của Luật này;

b) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp dịch vụ và cập nhật trên cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có sự thay đổi thông tin về: người đại diện theo pháp luật, nhân viên nghiệp vụ, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, cơ sở vật chất để thực hiện hoạt động giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài, quyết định giao nhiệm vụ cho chi nhánh; đăng tải và cập nhật trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp dịch vụ thông tin đầy đủ, chính xác về số lượng, tiêu chuẩn tuyển chọn, điều kiện làm việc, quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động theo nội dung hợp đồng cung ứng lao động, thông tin chuẩn bị nguồn lao động; các thông tin khác theo quy định của pháp luật có liên quan;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ và điểm e như sau:

"đ) Cam kết bằng văn bản về thời gian chờ xuất cảnh sau khi người lao động trúng tuyển đi làm việc ở nước ngoài với thời hạn không quá 180 ngày kể từ ngày người lao động trúng tuyển; trường hợp doanh nghiệp dịch vụ không thực hiện đúng cam kết về thời gian chờ xuất cảnh thì phải bồi thường theo thỏa thuận và hoàn trả tiền dịch vụ thu từ người lao động, các khoản thu khác người lao động đã nộp sau khi trừ đi các khoản đã chi, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc hai bên có thỏa thuận khác.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bồi thường và hoàn trả tiền cho người lao động;

e) Tổ chức quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động do doanh nghiệp dịch vụ đưa đi làm việc ở nước ngoài và phù hợp với hợp đồng cung ứng lao động đã được chấp thuận; có người đại diện ở nước ngoài để hỗ trợ, giải quyết vấn đề phát sinh liên quan đến người lao động theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; thông tin, báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài ngay sau khi có thông tin về vụ việc ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động hoặc tình huống khẩn cấp liên quan đến an ninh, an toàn tại địa bàn tiếp nhận; tư vấn và hỗ trợ người lao động tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý trong trường hợp người lao động có nhu cầu hỗ trợ pháp lý;".

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 như sau:

"2. Kể từ ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp dịch vụ không được ký kết hợp đồng cung ứng lao động, tổ chức chuẩn bị nguồn và tuyển chọn lao động mới để đưa đi làm việc ở nước ngoài; hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết tiếp tục được thực hiện dưới sự giám sát theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.".

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 30 như sau:

"2. Có phương án đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước mà người lao động đến làm việc và thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, chi nhánh theo quy định tại Điều 31 của Luật này.

3. Chỉ đưa người lao động Việt Nam có giao kết hợp đồng lao động với doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu đi làm việc tại công trình, dự án ở nước ngoài theo hợp đồng trúng thầu, nhận thầu.".

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

"**Điều 31. Thông báo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài**

1. Doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản phương án đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, chi nhánh.

2. Chính phủ quy định về phương thức, thời hạn thông báo, nội dung phương án đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu về người lao động.".

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 32 như sau:

"8. Báo cáo sau khi hoàn thành hợp đồng trúng thầu, nhận thầu ở nước ngoài

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, chi nhánh.".

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 33 như sau:

"1. Có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trừ trường hợp dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Có phương án đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước mà người lao động đến làm việc và thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính, chi nhánh hoặc nơi cá nhân thường trú theo quy định tại Điều 34 của Luật này.".

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

"**Điều 34. Thông báo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài**

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản phương án đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính, chi nhánh hoặc nơi cá nhân thường trú.

2. Chính phủ quy định về phương thức, thời hạn thông báo, nội dung phương án đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu về người lao động.".

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 35 như sau:

"8. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo về tình hình thực hiện đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc nơi cá nhân thường trú.".

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

"**Điều 39. Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập**

1. Doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính để đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập.

2. Chính phủ quy định về hồ sơ, phương thức, trình tự, thủ tục đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập.".

19. Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 2 Điều 41 như sau:

"l) Báo cáo về tình hình thực hiện đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ đến cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;".

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 42 như sau:

"3. Đơn vị sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoạt động theo quy định của pháp luật, không vì mục tiêu lợi nhuận và không được thu tiền dịch vụ từ người lao động theo quy định của Luật này.".

21. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 51 như sau:

"a) Được cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cung cấp thông tin chính sách, pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; nội dung giáo dục định hướng quy định tại các điểm a, d, g, h, i, k, l và m khoản 1 Điều 65 của Luật này;".

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:

"**Điều 53. Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết**

1. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trực tiếp giao kết gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người lao động thường trú để đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết.

2. Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết.".

23. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 65 như sau:

"b) Kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam và pháp luật nước tiếp nhận lao động; nội dung pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;".

24. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 70 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

"b) Xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, hướng dẫn, tổ chức kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;";

b) Bổ sung điểm d và điểm đ vào sau điểm c như sau:

"d) Phối hợp với Bộ Công an trong công tác trao đổi thông tin, quản lý tình hình người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật xảy ra ở trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, hành vi lợi dụng hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài để tổ chức, môi giới xuất cảnh trái phép, mua bán người, cưỡng bức lao động, lừa đảo, thu tiền trái pháp luật của người lao động và vấn đề khác liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

đ) Phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động cư trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

khó khăn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và hỗ trợ hòa nhập xã hội, tham gia thị trường lao động sau khi về nước.".

25. Thay thế một số cụm từ tại một số điều, khoản, điểm sau đây:

a) Thay thế cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" bằng cụm từ "Bộ Nội vụ" tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 và khoản 3 Điều 16; khoản 4 Điều 17; khoản 3 Điều 19; khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 20; khoản 3 Điều 22; điểm c khoản 2 và điểm c khoản 4 Điều 23; khoản 2 Điều 24; khoản 4 Điều 25; điểm m và điểm n khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 28; khoản 1, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 29; khoản 4 Điều 35; khoản 1 Điều 42; điểm b khoản 1, điểm a và điểm g khoản 2 Điều 43; khoản 3 Điều 58; khoản 1 Điều 60; khoản 3 Điều 65; khoản 1 và khoản 2 Điều 66; khoản 2 và khoản 3 Điều 70, khoản 2 Điều 71;

b) Thay thế cụm từ "Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng" bằng cụm từ "cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng" tại khoản 4 Điều 17; điểm n khoản 2 Điều 26; điểm d khoản 2 Điều 41; điểm c khoản 2 Điều 43; khoản 1 Điều 60 và khoản 4 Điều 69;

c) Thay thế cụm từ "được chứng thực" bằng cụm từ "được chứng thực chữ ký người dịch" tại điểm b khoản 2 Điều 20.

26. Bỏ một số cụm từ tại một số điều, khoản sau đây:

a) Bỏ cụm từ ", cơ quan thuộc Chính phủ" tại khoản 3 Điều 2; khoản 2 và khoản 3 Điều 72;

b) Bỏ cụm từ ", Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ" tại khoản 1 Điều 42;

c) Bỏ cụm từ "quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật này" tại khoản 4 Điều 32 và "quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật này" tại khoản 4 Điều 35.

27. Bãi bỏ Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 40.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp dịch vụ đã được cấp Giấy phép trước ngày Luật này có hiệu lực thì được tiếp tục hoạt động theo Giấy phép đã được cấp.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại và điều chỉnh thông tin Giấy phép, đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập và đăng ký hợp đồng trực tiếp giao kết đã được tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 142/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật số 69/2020/QH14), trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Luật này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Đối với doanh nghiệp đã được chấp thuận chuẩn bị nguồn lao động theo quy định tại Điều 18 của Luật số 69/2020/QH14 trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện hoạt động đã được chấp thuận cho đến khi hoàn thành theo phương án đã đăng ký.

4. Đối với hợp đồng lao động trực tiếp giao kết đã được xác nhận đăng ký trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện cho đến khi chấm dứt hợp đồng.

5. Đối với trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng cam kết về thời gian chờ xuất cảnh trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa bồi thường, hoàn trả theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 26 của Luật số 69/2020/QH14 thì phải bồi thường, hoàn trả theo quy định của Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn